

Bản án số: **07/ 2018/ HNGĐ-ST.**

Ngày: 19/6/ 2018.

**“V/v: Ly hôn
tranh chấp về nuôi con”**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh;

2. Bà Vy Thị Ty

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang.

Trong ngày 19/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLST - HNGĐ ngày 04/4/2018 về: **“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/ 6/ 2018.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1983;

- Bị đơn: Anh Lục Sỹ M, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Hai đương sự đều có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lục Sỹ M tự nguyện quen biết tìm hiểu nhau thời gian khoảng 5 tháng thì tự nguyện tiến đến hôn nhân. Vào ngày 25 tháng 01 năm 2002 vợ chồng chị đã tự nguyện đến Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, Gia Lai tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cả hai bên gia đình đều làm lễ tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài, mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài liên tục từ giữa năm 2011 cho đến nay. Nguyên nhân chính xuất phát từ việc anh chị luôn khắc khẩu với nhau; từ khi anh M bị đau bệnh anh đã có những suy nghĩ không tin tưởng vào tình cảm của vợ, luôn ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, từ năm 2017 cho đến nay thì chị thường bị anh M đánh đập vô cớ, mặc dù không gây cho chị thương tích nặng, nhưng khiến cho cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng,

mạnh ai người đẩy sống. Từ tháng 3/2018 cho đến nay chị phải bỏ đi làm ăn xa để tránh việc anh M gây sự đánh đập, trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau, chị luôn bị anh M dùng tin nhắn điện thoại để chửi bới, xúc phạm chị. Chị đã suy nghĩ kỹ và xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị đã thật sự trầm trọng, không còn tình cảm và niềm tin với nhau nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lục Tuyết N, sinh ngày 02/ 01/ 2003 và Lục Cao D, sinh ngày 18/ 12/ 2011. Từ tháng 3/2018 cho đến nay do chị phải bỏ đi làm ăn xa nên hai con tạm thời được anh M trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng thỉnh thoảng chị vẫn gửi tiền chu cấp cho 02 con ăn học. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con Lục Cao D, anh M nuôi dưỡng con Lục Tuyết N, cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con và ngược lại.

Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết chia xong nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung ai và không ai nợ chung của vợ chồng nữa, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh M và chị vẫn có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Lục Cao D cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M ra điều kiện được nuôi cả hai con mới chấp nhận ly hôn và anh M đảm bảo được kinh tế và điều kiện để trực tiếp nuôi con nên chị đã tự nguyện giao cả 02 con cho anh M nuôi dưỡng. Chị xét thấy khả năng trực tiếp nuôi con chứ cấp dưỡng nuôi 02 con thì chị không có điều kiện. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vì vợ chồng đã giải quyết xong.

Bị đơn anh Lục Sỹ M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Cao Thị H là người cùng xóm nên anh, chị quen biết từ rất lâu. Anh, chị tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 02 tháng thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 25/01/2002. Ngay sau ngày kết hôn thì anh, chị đều được hai gia đình đứng ra tổ chức lễ cưới.

Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ để xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình. Cụ thể, vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau trong suy nghĩ và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống hôn nhân căng thẳng và không có hạnh phúc, mạnh ai người đẩy sống. Từ tháng 3/2018 cho đến nay chị H đã bỏ đi làm ăn xa, để lại hai con cho anh nuôi dưỡng. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh thì anh xin được hòa giải để vợ chồng đoàn tụ gia đình, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh chỉ đồng ý với điều kiện là anh được trực tiếp nuôi cả hai con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lục Tuyết N, sinh ngày 02/ 01/ 2003 và Lục Cao D, sinh ngày 18/ 12/ 2011. Từ tháng 3/2018 cho đến nay chị H bỏ đi làm ăn xa nên hai con vẫn đang được anh trực tiếp nuôi ăn học. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động. Anh xét thấy bản thân có đủ khả năng và điều kiện về mọi mặt để nuôi dạy con tốt nên anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con, vì hiện

nay chị H bỏ đi làm ăn xa, thu nhập chưa ổn định, nên không có điều kiện và vật chất để nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết chia xong nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung ai và không ai nợ chung của vợ chồng nữa, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lục Sỹ M vẫn giữ nguyên quan điểm và nguyện vọng như đã trình bày trên.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 bản chính Giấy Chứng nhận kết hôn, mang tên Lục Sỹ M - Cao Thị H và 02 Bản sao Giấy khai sinh mang tên Lục Tuyết N và Lục Cao D; 01 Bản sao Chứng Minh nhân dân mang tên Cao Thị H; 01 Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Lục Sỹ M.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng M: Anh Lục Sỹ M, chị Cao Thị H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 25/01/2002. Anh, chị đã có 02 con chung tên Lục Tuyết N và Lục Cao D. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị H giao nộp là Giấy Chứng nhận kết hôn, tên Lục Sỹ M - Cao Thị H và 02 Bản sao Giấy khai sinh mang tên Lục Tuyết N và Lục Cao D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Cao Thị H có đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án Hôn nhân & Gia đình giữa chị và anh Lục Sỹ M được ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Lục Sỹ M tự nguyện tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 25/01/2002, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau trong suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh M còn cho rằng chị H không chung thủy. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân nhau, chị đã suy nghĩ kỹ và xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh M, còn anh M chỉ đồng ý ly hôn chị H với điều kiện là anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét hôn nhân của chị H và anh M đã có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc và có với nhau 2 con chung, đã xây dựng được một số tài sản chung, nhưng do anh, chị không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau, đã thường xuyên đề xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và hiện nay anh, chị đã tự sống ly thân nhau. Nay chị H kiên quyết xin ly hôn, còn anh M xin đoàn tụ gia đình, anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện là anh được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh M đã thực

sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình đã không đạt được, nên HĐXX căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị H được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Về con chung: Hai đương sự có 02 con chung là Lục Tuyết N, sinh ngày 02/ 01/ 2003 và Lục Cao D, sinh ngày 18/ 12/ 2011.

Sau khi ly hôn, Anh M có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động. Anh xét thấy bản thân có đủ khả năng và điều kiện về mọi mặt để nuôi dạy con tốt nên anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H cũng có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con Lục Cao D, cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động. Trường hợp anh M xét thấy bản thân có đủ khả năng và điều kiện về mọi mặt và cam kết nuôi dạy con tốt nên chị đã chấp nhận để anh M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về khả năng và điều kiện của người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, thì HĐXX thấy rằng: Xét về nguyện vọng của cháu N xin được bố M trực tiếp nuôi dưỡng, cháu D có nguyện vọng được mẹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét về thời gian và điều kiện thực tế đảm bảo cho cho các cháu thường xuyên được nuôi dạy, chăm sóc được tốt hơn thì thấy rằng hiện nay anh M và 02 con đang sinh sống ổn định, chị H đang đi làm ăn xa, nên HĐXX xét thấy, cần chấp nhận theo nguyện vọng của 2 đương sự, giao cả hai cháu Lục Tuyết N và giao cháu Lục Cao D cho anh Lục Sỹ M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận theo nguyện vọng của hai đương sự, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với điều kiện, khả năng của hai đương sự và đúng pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết. Cả hai đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, nên HĐXX không xem xét giải quyết đến phần anh, chị không yêu cầu.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung ai và không cho ai nợ vợ chồng. Cả hai đương sự đều không yêu cầu Tòa án đề cập trong vụ án, nên HĐXX không xem xét giải quyết đến phần anh, chị không yêu cầu.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị H. Xử cho chị Cao Thị H được ly hôn với bị đơn anh Lục Sỹ M.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Lục Tuyết N, sinh ngày 02/ 01/ 2003 và cháu Lục Cao D, sinh ngày 18/ 12/ 2011 cho anh Lục Sỹ M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu Nhi và Dũng trưởng thành, có khả năng lao động. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Cao Thị H phải chịu theo quy định là 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm (LHST), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0007239 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ án phí LHST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ THỊ LÀNH

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CTPT

ĐỖ THỊ LÀNH

